



KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Từ khóa tuyển sinh 2016

Ngành: **QUẢN TRỊ KINH DOANH**
 Chuyên ngành: **Marketing**
 Mã số ngành: **52340101**
 Khoa: **Kinh tế**

Tổng khối lượng kiến thức:
126 tín chỉ tích lũy

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
Học kỳ 1											
01	MAN201	Quản trị học	BB	3	3					K. GDĐC	
02	MAR201	Marketing căn bản	BB	3	3					K. GDĐC	
03	SKL101	Phương pháp học đại học	BB	3	3					K. GDĐC	
04	MAR302	Nhập môn ngành Marketing	BB	2	2					K. Kinh tế	
05	MAR303	Trải nghiệm ngành, nghề	BB	1			1			K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 1		12	11	0	1	0	0		
Học kỳ 2											
01	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	BB	2	2					K. GDĐC	
02	MAR409	Marketing dịch vụ	BB	3	3					K. Kinh tế	
03	ECO303	Kinh tế vi mô	BB	3	3					K. Kinh tế	
04		(Chọn 1 trong 3 học phần)	TC	3							
	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1			3					K. GDĐC	
	NAS202	Toán cao cấp			3					K. GDĐC	
	INT201	Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông			3					K. GDĐC	
05		(Chọn 1 trong 2 học phần)	TC	3							
	MAN406	Quản trị bán hàng			3					K. Kinh tế	
	HUR408	Quản trị nhân sự			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 2		14	14	0	0	0	0		
Học kỳ 3											
01	ACC201	Kế toán đại cương	BB	3	3					K. GDĐC	
02	NAS203	Thống kê ứng dụng	BB	3	3					K. GDĐC	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/TN	TT	ĐA/MH	ĐA/KLTN		
03	ECO304	Kinh tế vĩ mô	BB	3	3					K. Kinh tế	
04	MAR404	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	BB	1	1					K. Kinh tế	
05		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	ART201	Biểu diễn Âm nhạc và Khiêu vũ			3					K. GDĐC	
	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2			3					K. GDĐC	
	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại			3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 3		13	13	0	0	0	0		
Học kỳ 4											
01	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	BB	3	3					K. GDĐC	
02	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	BB	3	3					K. GDĐC	
03	LAW101	Pháp luật đại cương	BB	3	3					K. GDĐC	
04	MAN410	Quản trị dịch vụ	BB	3	3					K. Kinh tế	
05		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	FIN301	Lý thuyết tài chính - tiền tệ			3					K. Kinh tế	
	ACC409	Kế toán quản trị			3					K. Kinh tế	
	PUR410	Quan hệ công chúng			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 4		15	15	0	0	0	0		
Học kỳ 5											
01	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BB	2	2					K. GDĐC	
02	ECO302	Kinh tế lượng	BB	3	3					K. Kinh tế	
03	MAR418	Quản trị marketing	BB	3	3					K. Kinh tế	
04	MAR424	Thực tập 1 Marketing	BB	2			2				
05		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	BUS305	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh			3					K. Kinh tế	
	FIN417	Quản trị tài chính			3					K. Kinh tế	
	MAN418	Quản trị vận hành			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 5		13	11	0	2	0	0		
Học kỳ 6											
01	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	BB	3	3					K. GDĐC	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/TN	TT	ĐA/MH	ĐA/KLTN		
02	NAS101	Môi trường và con người	BB	3	3					K. GDĐC	
03	MAR422	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	BB	3	3					K. Kinh tế	
04	MAR421	Quản trị truyền thông marketing tích hợp	BB	3	3					K. Kinh tế	
05		(Chọn 1 trong 3 học phần)	TC	3							
	MAN407	Quản trị chăm sóc khách hàng			3					K. Kinh tế	
	BUS421	Lập kế hoạch kinh doanh			3					K. Kinh tế	
	BUS416	Hành vi khách hàng			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 6		15	15	0	0	0	0		
Học kỳ 7											
01	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	BB	3	3					K. GDĐC	
02	SOS102	Văn hiến Việt Nam	BB	3	3					K. GDĐC	
03	BUS427	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế	BB	3	3					K. Kinh tế	
04	MAR425	Thực tập nghề nghiệp Marketing	BB	2			2			K. Kinh tế	
05		(Chọn 1 trong 3 học phần)	TC	3							
	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa			3					K. GDĐC	
	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng			3					K. GDĐC	
	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt			3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 7		14	12	0	2	0	0		
Học kỳ 8											
01	MAR420	Quản trị thương hiệu	BB	3	3					K. Kinh tế	
02	MAR407	Marketing B2B – Marketing khách hàng tổ chức	BB	3	3					K. Kinh tế	
03	MAR412	Marketing mối quan hệ	BB	3	3					K. Kinh tế	
04		(Chọn 1 trong 3 học phần)	TC	3							
	MAR415	Marketing tương tác			3					K. Kinh tế	
	SUC410	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng			3					K. Kinh tế	
	BUS302	Đạo đức kinh doanh			3					K. Kinh tế	
05		(Chọn 1 trong 3 học phần)	TC	3							
	MAN416	Quản trị thương mại điện tử			3					K. Kinh tế	
	MAN409	Quản trị chiến lược			3					K. Kinh tế	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
	BUS417	Hành vi tổ chức			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 8		15	15	0	0	0	0		
Học kỳ 9											
01	MAR527	Thực tập tốt nghiệp	BB	3			3			K. Kinh tế	
02		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	MAR415	Marketing tương tác			3					K. Kinh tế	
	MAR416	Marketing truyền thông xã hội			3					K. Kinh tế	
	FIN415	Quản trị rủi ro tài chính			3					K. Kinh tế	
03	MAR526	Khóa luận tốt nghiệp	TC	9					9		
		<i>Các học phần thay thế KLTN:</i>	TC	9							
04	BUS419	Khởi nghiệp kinh doanh	TC	3	3					K. Kinh tế	
05	MAN413	Quản trị quan hệ khách hàng	TC	3	3					K. Kinh tế	
06		<i>(Chọn 1 trong 2 HP)</i>	TC	3							
	PUR412	Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội			3					K. Kinh tế	
	MAR411	Marketing điện tử			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 9		15	12	0	3	0	9		

- Ghi chú:**
1. Các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh: học tập trung trong thời gian hè, theo lịch của Trường.
 2. Các học phần Giáo dục thể chất sẽ được bố trí theo kế hoạch chung của toàn trường.
 3. Các học phần Kỹ năng mềm, Ngoại ngữ - Tin học chuẩn đầu ra: sinh viên liên hệ Viện Doanh trí Văn Hiến; Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

Lê Sĩ Hải